



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2016

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thông tin về Tổng công ty**

**Quyết định cổ phần hóa** Số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”) tên cũ là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương). Thời điểm bàn giao chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần là ngày 1 tháng 3 năm 2004.

**Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp** Số 0101463614 ngày 16 tháng 8 năm 2016

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 2 năm 2004. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 16 tháng 8 năm 2016.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Phạm Bá Nhuận	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Khánh	Thành viên
Ông Vũ Văn Chiến	Thành viên
Ông Hà Thanh Tuấn	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Đức	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Ngô Đức Giang	Phó Tổng Giám đốc

**Trụ sở đăng ký** Tầng 18&19, số 229 Phố Tây Sơn  
Phường Ngã Tư Sở, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP ("Tổng công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cho rằng Tổng công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc   
  
Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2016

**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600  
Fax: +84 4 3946 1601  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 19 tháng 8 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề khác

Các báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 tương ứng được kiểm toán và soát xét bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến và kết luận chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 25 tháng 3 năm 2016 và báo cáo soát xét ngày 12 tháng 8 năm 2015.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-125-R



Đàm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0861-2013-007-1

*Phó Tổng Giám đốc*

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2016

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>01/01/2016 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>695.482.358.411</b>	<b>640.844.117.455</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>79.947.425.008</b>	<b>47.375.554.704</b>
Tiền	111		79.947.425.008	47.325.759.704
Các khoản tương đương tiền	112		-	49.795.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>191.891.265.919</b>	<b>165.042.232.669</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	158.234.594.952	134.807.779.966
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		24.067.436.010	26.320.291.349
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	29.551.979.722	23.164.874.199
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	11	(20.078.372.087)	(19.360.601.357)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		115.627.322	109.888.512
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>417.908.253.764</b>	<b>424.934.618.866</b>
Hàng tồn kho	141		423.677.646.459	424.934.618.866
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.769.392.695)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.735.413.720</b>	<b>3.491.711.216</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	3.491.711.216
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.700.624.350	-
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		34.789.370	-
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>750.331.887.043</b>	<b>746.700.599.492</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>127.705.538.500</b>	<b>110.098.749.109</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	127.705.538.500	109.966.193.728
Nguyên giá	222		319.501.902.635	278.319.205.019
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(191.796.364.135)	(168.353.011.291)
Tài sản cố định vô hình	227		-	132.555.381
Nguyên giá	228		3.814.284.398	3.814.284.398
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.814.284.398)	(3.681.729.017)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>102.410.656.611</b>	<b>115.543.233.247</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	102.410.656.611	115.543.233.247
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>15</b>	<b>466.000.000.000</b>	<b>461.047.511.083</b>
Đầu tư vào công ty con	251		400.000.000.000	400.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252		66.000.000.000	70.557.956.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(9.510.444.917)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>54.215.691.932</b>	<b>60.011.106.053</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	54.215.691.932	60.011.106.053
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.445.814.245.454</b>	<b>1.387.544.716.947</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>258.105.470.998</b>	<b>298.527.083.441</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>258.105.470.998</b>	<b>298.527.083.441</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	89.623.624.005	92.609.020.500
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		6.863.897.742	4.640.795.813
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	17.537.333.244	15.004.101.360
Phải trả người lao động	314		17.983.608.753	20.852.194.853
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	39.950.849.173	9.293.603.151
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	10.955.576.799	8.016.736.076
Vay ngắn hạn	320	21	76.531.902.635	152.249.552.808
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	22	(1.341.321.353)	(4.138.921.120)
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>1.187.708.774.456</b>	<b>1.089.017.633.506</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>1.187.708.774.456</b>	<b>1.089.017.633.506</b>
Vốn cổ phần	411	24	807.988.390.000	807.988.390.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		807.988.390.000	807.988.390.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.561.050.000	3.561.050.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		466.200.000	466.200.000
Cổ phiếu quỹ	415	24	(12.730.000)	(12.730.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	25	267.599.386.142	198.388.796.611
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		20.463.604.691	20.463.604.691
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	87.642.873.623	58.162.322.204
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(19.810.653.883)	(46.504.365.599)
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		107.453.527.506	104.666.687.803
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.445.814.245.454</b>	<b>1.387.544.716.947</b>

Ngày 19 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>27</b>	<b>889.454.689.653</b>	<b>1.027.216.884.261</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>28</b>	<b>622.853.539.036</b>	<b>771.758.556.493</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>266.601.150.617</b>	<b>255.458.327.768</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	2.677.275.396	18.740.828.275
Chi phí tài chính	22	30	(7.436.014.798)	4.602.708.562
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.079.072.556	1.612.303.478
Chi phí bán hàng	25	31	115.226.912.134	117.759.168.516
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	30.258.620.847	23.000.055.323
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>131.228.907.830</b>	<b>128.837.223.642</b>
Thu nhập khác	31		5.254.256.249	5.358.548.438
Chi phí khác	32		1.740.361.671	4.848.285.039
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>3.513.894.578</b>	<b>510.263.399</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>134.742.802.408</b>	<b>129.347.487.041</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>34</b>	<b>27.289.274.902</b>	<b>25.668.391.729</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>107.453.527.506</b>	<b>103.679.095.312</b>

Ngày 19 tháng 8 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán




Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>134.742.802.408</b>	<b>129.347.487.041</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	28.024.737.714	14.403.928.677
Các khoản dự phòng	03	(3.023.281.492)	(874.778.180)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	47.050.702	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(422.199.083)	(17.620.357.503)
Chi phí lãi vay	06	1.079.072.556	1.612.303.478
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>160.448.182.805</b>	<b>126.868.583.513</b>
Biến động các khoản phải thu	09	(33.358.471.799)	6.825.375.487
Biến động hàng tồn kho	10	1.256.972.407	156.411.007.048
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	29.316.290.696	8.855.222.334
Biến động chi phí trả trước	12	8.068.666.995	12.382.569.616
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.079.072.556)	(1.612.303.478)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(22.008.370.406)	(27.186.097.773)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(5.964.777.926)	(2.257.107.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>136.679.420.216</b>	<b>280.287.249.747</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(31.280.492.127)	(30.951.469.404)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	18.181.818	470.490.039
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	-	(66.136.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	4.513.704.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và lợi nhuận được chia	27	448.269.265	84.600.505.133
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(26.300.337.044)</b>	<b>(12.016.474.232)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
		30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	288.194.392.480	378.390.337.825
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(363.912.042.653)	(448.188.857.033)
Tiền trả cổ tức	36	(2.089.562.695)	(189.352.893.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(77.807.212.868)</b>	<b>(259.151.412.308)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>32.571.870.304</b>	<b>9.119.363.207</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>47.375.554.704</b>	<b>38.477.315.351</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60) (Thuyết minh 8)</b>	<b>70</b>	<b>79.947.425.008</b>	<b>47.596.678.558</b>

Ngày 19 tháng 8 năm 2016

Người lập:

Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:

Phương Thảo Hiền  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP (“Tổng công ty”), trước đây là Công ty Cổ phần Hóa dầu Petrolimex, là đơn vị được cổ phần hóa theo Quyết định số 1801/2003/QĐ-BTM ngày 23 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công Thương).

Công ty mẹ của Tổng công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (“Petrolimex”), nắm giữ 79,07% vốn cổ phần.

**(b) Hoạt động chính**

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng công ty, các hoạt động được cấp phép của Tổng công ty là:

- Kinh doanh xuất nhập khẩu dầu mỡ nhờn, nhựa đường, hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm) và các mặt hàng khác thuộc lĩnh vực dầu mỏ và khí đốt;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư, thiết bị chuyên ngành hóa dầu;
- Kinh doanh dịch vụ: vận tải, cho thuê kho bãi, pha chế, phân tích thử nghiệm, tư vấn và dịch vụ kỹ thuật hóa dầu;
- Kinh doanh bất động sản; và
- Kinh doanh dịch vụ cung ứng tàu biển.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tổng công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng công ty có 2 công ty con và 1 công ty liên kết (01/01/2016: 2 công ty con và 2 công ty liên kết) được liệt kê trong Thuyết minh 15.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm Văn phòng Tổng công ty, Chi nhánh Hóa dầu Đà Nẵng, Chi nhánh Hóa dầu Sài Gòn và Chi nhánh Hóa dầu Cần Thơ.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng công ty có 334 nhân viên (01/01/2016: 343 nhân viên).



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tổng công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tổng công ty là từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cổ tức.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết***

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 - 17 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 5 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí đầu tư sản văn phòng**

Chi phí đầu tư sản văn phòng là chi phí thuê văn phòng trả trước cho tầng 18 tòa nhà Mipex, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa, Hà Nội và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê từ 43 đến 46 năm.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với giá gốc của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Giá gốc của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Chi phí đại tu, sửa chữa lớn**

Chi phí đại tu, sửa chữa lớn tài sản bao gồm các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 13 tháng tới 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận trước hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc của các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(iii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty, công ty mẹ và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tổng công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Tổng công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Tổng công ty đã thanh lý khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 (Thuyết minh 15).

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	620.247.296	1.033.493.595
Tiền gửi ngân hàng	79.327.177.712	42.768.828.043
Tiền đang chuyển	-	3.523.438.066
Các khoản tương đương tiền	-	49.795.000
	<hr/>	<hr/>
	79.947.425.008	47.375.554.704
	<hr/>	<hr/>

**9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn và khách hàng là công ty liên quan:

	<b>30/6/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	63.268.924.405	45.125.390.675
<b>Các bên thứ ba</b>		
▪ Total Lubrificants Hong Kong Limited	15.138.390.423	12.005.493.906
▪ Các khách hàng khác	79.827.280.124	77.676.895.385
	<hr/>	<hr/>
	158.234.594.952	134.807.779.966
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn thu hồi là 30 đến 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**10. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Phải thu từ các công ty liên quan</i>		
Hỗ trợ đầu tư cho Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (*)	12.500.000.000	12.500.000.000
Phải thu khác từ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	4.843.098.393	1.739.819.604
Phải thu khác từ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex	3.400.377.563	2.625.553.036
Phải thu khác từ các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	1.437.680.532	1.710.360.200
<i>Phải thu từ các bên khác</i>		
Tạm ứng cho nhân viên	4.152.487.931	2.562.262.624
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.218.335.303	2.026.878.735
	<b>29.551.979.722</b>	<b>23.164.874.199</b>

(\*) Theo hợp đồng ngày 16 tháng 12 năm 2013, khoản hỗ trợ đầu tư được dùng để tài trợ dự án Kho Nhựa đường Cửa Lò của Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex. Khoản hỗ trợ đầu tư này có thời gian ân hạn là 18 tháng kể từ ngày giải ngân và có thời hạn hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày cuối của thời gian ân hạn. Khoản hỗ trợ đầu tư này được tính lãi theo lãi suất khoản vay kỳ hạn 4 tháng mà Tổng công ty vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Các khoản phải thu phi thương mại khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**11. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	30/6/2016			01/01/2016				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ phần Vận tải								
Dầu khí Việt Nam	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-	Trên 3 năm	7.466.476.911	(7.466.476.911)	-
Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn Dương	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-	Trên 3 năm	2.530.240.776	(2.530.240.776)	-
Công ty TNHH TM&VT Hoàng Phát	Trên 3 năm	2.276.286.342	(2.276.286.342)	-	Trên 3 năm	2.276.286.342	(2.260.703.779)	15.582.563
Các công ty khác	Trên 3 năm	6.149.204.084	(6.149.204.084)	-	Trên 3 năm	5.704.585.602	(5.704.585.602)	-
Các công ty khác	2 - 3 năm	814.224.410	(569.957.087)	244.267.323	2 - 3 năm	1.246.257.918	(872.380.543)	373.877.375
Các công ty khác	1 - 2 năm	446.326.540	(223.163.270)	223.163.270	1 - 2 năm	345.597.920	(172.798.960)	172.798.960
	6 tháng - 1 năm	2.876.812.059	(863.043.617)	2.013.768.442	6 tháng - 1 năm	1.178.049.287	(353.414.786)	824.634.501
		22.559.571.122	(20.078.372.087)	2.481.199.035		20.747.494.756	(19.360.601.357)	1.386.893.399
<b>Trong đó:</b>								
Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn			(20.078.372.087)				(19.360.601.357)	

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**12. Hàng tồn kho**

	30/6/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	42.816.027.694	-	53.409.258.033	-
Nguyên vật liệu	244.547.482.325	(256.541.978)	215.449.863.301	-
Công cụ và dụng cụ	7.326.187.772	(2.622.578)	7.114.181.744	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.598.362.747	-	22.440.744.956	-
Thành phẩm	116.389.585.921	(5.510.228.139)	126.520.570.832	-
	<b>423.677.646.459</b>	<b>(5.769.392.695)</b>	<b>424.934.618.866</b>	<b>-</b>

Trong tổng số hàng tồn kho kém mất phẩm chất, chậm luân chuyển tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có 88.435 triệu VND hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được (01/01/2016: Không).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	94.422.045.406	135.924.365.314	37.254.765.634	10.718.028.665	278.319.205.019
Tăng trong kỳ	123.399.000	8.715.970.000	1.017.163.636	394.455.455	10.250.988.091
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	18.934.135.784	15.227.944.888	-	-	34.162.080.672
Thanh lý	-	(507.091.851)	(2.723.279.296)	-	(3.230.371.147)
Số dư cuối kỳ	113.479.580.190	159.361.188.351	35.548.649.974	11.112.484.120	319.501.902.635
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	63.645.329.447	70.521.331.116	24.673.606.301	9.512.744.427	168.353.011.291
Khấu hao trong kỳ	8.150.730.304	16.337.010.284	1.781.150.175	404.833.228	26.673.723.991
Thanh lý	-	(507.091.851)	(2.723.279.296)	-	(3.230.371.147)
Số dư cuối kỳ	71.796.059.751	86.351.249.549	23.731.477.180	9.917.577.655	191.796.364.135
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	30.776.715.959	65.403.034.198	12.581.159.333	1.205.284.238	109.966.193.728
Số dư cuối kỳ	41.683.520.439	73.009.938.802	11.817.172.794	1.194.906.465	127.705.538.500

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 có các tài sản có nguyên giá 98.755 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (01/01/2016: 77.838 triệu VND).

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	115.543.233.247	78.104.726.078
Tăng trong kỳ/năm	21.029.504.036	40.157.687.328
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(34.162.080.672)	(2.719.180.159)
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>102.410.656.611</b>	<b>115.543.233.247</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2016 VND</b>	<b>01/01/2016 VND</b>
Mở rộng nhà máy dầu nhờn Thượng Lý	4.275.786.345	35.877.155.092
Mở rộng nhà máy dầu nhờn Nhà Bè	77.364.138.453	63.686.924.701
Dự án xây dựng kho dầu mỡ nhờn Đà Nẵng	7.263.873.231	7.263.873.231
Xây dựng nhà máy dầu nhờn Đình Vũ	4.113.676.545	832.736.634
Dự án nâng cấp văn phòng Tổng công ty	3.945.406.365	692.103.030
Dự án xây dựng nhà văn phòng chi nhánh Đà Nẵng	3.234.686.485	3.234.686.485
Các công trình khác	2.213.089.187	3.955.754.074
<b>Số dư cuối kỳ/năm</b>	<b>102.410.656.611</b>	<b>115.543.233.247</b>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**15. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2016			01/01/2016		
	Số lượng cổ phiếu Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Số lượng cổ phiếu Địa chỉ	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND
Đầu tư góp vốn vào:						
<b>Công ty con</b>						
▪ Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex (Thuyết minh 36) Hà Nội	100%	250.000.000.000	-	100%	250.000.000.000	-
▪ Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex (Thuyết minh 36) Hà Nội	100%	150.000.000.000	-	100%	150.000.000.000	-
		400.000.000.000	-		400.000.000.000	-
<b>Công ty liên kết</b>						
▪ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 (*) Hà Nội Hải Phòng	-	-	-	455.796	23,9%	4.557.956.000 (1.693.425.308)
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP	6.600.000	43,78%	66.000.000.000	6.600.000	43,78%	66.000.000.000 (7.817.019.609)
		66.000.000.000	-			70.557.956.000 (9.510.444.917)
		466.000.000.000	-			470.557.956.000 (9.510.444.917)

(\*) Trong kỳ, Tổng công ty đã thanh lý toàn bộ số lượng cổ phiếu nắm giữ tại Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông 810 thông qua phương thức chào bán cạnh tranh cho dưới 100 nhà đầu tư. Phần chênh lệch giữa giá bán và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm bán được ghi nhận là chi phí tài chính (Thuyết minh 30).



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí đầu tư sản xuất VND	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí đại tu, sửa chữa lớn VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	34.977.505.508	18.048.114.909	2.978.856.049	3.744.238.677	262.390.910	60.011.106.053
Tăng trong năm	-	-	1.026.363.514	3.175.376.527	-	4.201.740.041
Phân bổ trong kỳ	(654.454.751)	(564.003.591)	(3.816.794.879)	(4.699.510.031)	(262.390.910)	(9.997.154.162)
Số dư cuối kỳ	34.323.050.757	17.484.111.318	188.424.684	2.220.105.173	-	54.215.691.932

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn và nhà cung cấp là bên liên quan:

	<b>30/6/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên quan</b>		
▪ Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	2.053.734.753	1.495.108.440
▪ Castrol BP PETCO Co., Ltd.	6.457.749.774	2.907.979.607
	<hr/> 8.511.484.527	<hr/> 4.403.088.047
<b>Các bên thứ ba</b>		
▪ Elf Lubrifiant Paris	13.424.372.516	4.240.540.290
▪ Exxon Mobil Asia Ltd	11.212.064.656	-
▪ Các nhà cung cấp khác	56.475.702.306	83.965.392.163
	<hr/> 89.623.624.005	<hr/> 92.609.020.500

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>01/01/2016</b>	<b>Số phải nộp</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>30/6/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>trong kỳ</b>	<b>VND</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>	
Thuế giá trị gia tăng	1.541.714.557	68.003.480.827	(69.458.842.453)	86.352.931
Thuế nhập khẩu	-	14.860.492.224	(14.860.492.224)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.702.221.919	27.289.274.902	(22.008.370.406)	15.983.126.415
Thuế bảo vệ môi trường	2.617.932.240	15.524.167.860	(16.819.345.980)	1.322.754.120
Thuế thu nhập cá nhân	142.232.644	4.717.633.808	(4.714.766.674)	145.099.778
Thuế khác	-	496.153.869	(496.153.869)	-
	<hr/> 15.004.101.360	<hr/> 130.891.203.490	<hr/> (128.357.971.606)	<hr/> 17.537.333.244

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>30/6/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí hỗ trợ bán dầu mỡ nhờn lon hộp	12.996.737.015	6.586.784.613
Chi phí hỗ trợ các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex	7.852.150.000	-
Chi phí phải trả về sửa chữa lớn tài sản cố định	7.187.837.156	1.927.632.698
Chi phí khuyến mại dầu mỡ nhờn phuy thùng	4.786.134.198	717.805.840
Trích trước chi phí bảo hộ lao động cho nhân viên	3.596.330.000	-
Các khoản trích trước khác	3.531.660.804	61.380.000
	39.950.849.173	9.293.603.151

**20. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải trả cổ tức	1.293.941.955	3.383.504.650
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	1.594.178.443	1.382.366.757
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000.000	-
Các khoản phải trả khác	5.067.456.401	3.250.864.669
	10.955.576.799	8.016.736.076

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Vay ngắn hạn**

	01/01/2016		Biến động trong kỳ		30/6/2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	152.249.552.808	152.249.552.808	288.194.392.480	(363.912.042.653)	76.531.902.635	76.531.902.635

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2016 VND	01/01/2016 VND
Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	USD	1,3%	39.251.036.398	-
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	1,2%	37.280.866.237	74.155.580.516
Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội	VND	4,2%	-	10.811.233.664
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	USD	1,5%	-	46.964.152.861
Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	4,1%	-	20.318.585.767
			<b>76.531.902.635</b>	<b>152.249.552.808</b>

(\*) Các khoản vay ngắn hạn được dùng để bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tổng công ty. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và được thực hiện theo hạn mức hoặc hợp đồng tín dụng với thời hạn vay 3 tháng.

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng, phúc lợi cho nhân viên của Tổng công ty theo chính sách khen thưởng, phúc lợi của Tổng công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ/năm như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND</b>	<b>Năm kết thúc ngày 31/12/2015 VND</b>
Số dư đầu kỳ/năm	(4.138.921.120)	(5.286.685.534)
Trích lập trong kỳ/năm	8.762.377.693	8.151.626.615
Sử dụng trong kỳ/năm	(5.964.777.926)	(7.003.862.201)
Số dư cuối kỳ/năm	<u>(1.341.321.353)</u>	<u>(4.138.921.120)</u>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư ngày 01/01/2015</b>	702.608.370.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	263.227.300.571	20.463.604.691	23.266.646.256	1.013.580.441.518
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	103.679.095.312	103.679.095.312
<b>Số dư ngày 30/6/2015</b>	702.608.370.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	263.227.300.571	20.463.604.691	126.945.741.568	1.117.259.536.830
<b>Số dư ngày 01/01/2016</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	198.388.796.611	20.463.604.691	58.162.322.204	1.089.017.633.506
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	-	107.453.527.506	107.453.527.506
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	69.210.589.531	-	(69.210.589.531)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(8.762.377.693)	(8.762.377.693)
Biên động khác	-	-	-	-	-	-	(8.863)	(8.863)
<b>Số dư ngày 30/6/2016</b>	807.988.390.000	3.561.050.000	466.200.000	(12.730.000)	267.599.386.142	20.463.604.691	87.642.873.623	1.187.708.774.456



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng công ty là:

	30/6/2016 và 01/01/2016	
	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	80.798.839	807.988.390.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	80.798.839	807.988.390.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	1.273	12.730.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	80.797.566	807.975.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Tổng công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**25. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**(a) Ngoại tệ các loại**

	30/6/2016		01/01/2016	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ (“USD”)	162.412	3.612.248.831	172.262	3.882.777.697
Euro (“EUR”)	188	4.674.649	193	5.014.880
		<u>3.616.923.480</u>		<u>3.887.792.577</u>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2016</b> <b>VND</b>
Đã được duyệt	74.011.000.000	246.943.000.000

**27. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế bảo vệ môi trường.

Doanh thu bán hàng của Tổng công ty bao gồm:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>
Bán dầu mỡ nhờn	879.936.773.684	1.025.730.203.087
Bán hàng hóa khác	9.517.915.969	1.486.681.174
	<b>889.454.689.653</b>	<b>1.027.216.884.261</b>

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2016</b> <b>VND</b>	<b>30/6/2015</b> <b>VND</b>
Giá vốn dầu mỡ nhờn	613.937.527.787	771.131.489.546
Giá vốn hàng hóa khác	3.146.618.554	627.066.947
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.769.392.695	-
	<b>622.853.539.036</b>	<b>771.758.556.493</b>



**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi	448.269.265	453.846.863
Lợi nhuận được chia	-	16.885.229.412
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.229.006.131	1.401.752.000
	<u>2.677.275.396</u>	<u>18.740.828.275</u>

**30. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.079.072.556	1.612.303.478
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	465.505.807	4.645.553.962
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(9.510.444.917)	(1.662.753.878)
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 15)	44.252.000	-
Chi phí tài chính khác	485.599.756	7.605.000
	<u>(7.436.014.798)</u>	<u>4.602.708.562</u>

**31. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	14.118.968.093	12.995.529.066
Chi phí vận chuyển	14.204.241.465	16.085.719.651
Chi phí hoa hồng, đại lý môi giới, hỗ trợ bán hàng	17.534.666.736	30.741.542.277
Chi phí quảng cáo, tiếp thị	35.651.101.572	24.492.503.501
Chi phí khấu hao	2.962.505.788	2.988.837.060
Chi phí sửa chữa	12.751.519.120	3.879.088.437
Chi phí bán hàng khác	18.003.909.360	26.575.948.524
	<u>115.226.912.134</u>	<u>117.759.168.516</u>

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**32. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nhân viên	19.099.284.502	13.368.811.673
Chi phí khấu hao tài sản cố định	960.963.347	1.529.074.166
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.563.716.723	815.018.061
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.634.656.275	7.287.151.423
	<hr/>	<hr/>
	30.258.620.847	23.000.055.323

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	544.873.205.198	749.007.970.747
Chi phí nhân viên	36.415.441.250	31.525.006.084
Chi phí khấu hao và phân bổ	28.024.737.714	14.403.928.677
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.469.356.878	17.358.203.341
Chi phí khác	121.055.169.900	89.741.160.965

**34. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2016	30/6/2015
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	134.742.802.408	129.347.487.041
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Tổng công ty	26.948.560.482	28.456.447.149
Chi phí không được khấu trừ thuế	340.714.420	926.695.051
Thu nhập không bị tính thuế	-	(3.714.750.471)
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27.289.274.902	25.668.391.729

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Tổng công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2015: 22%).

**35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Tổng công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2016 VND	30/6/2015 VND
<b>Công ty con</b>		
<i>Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa và dịch vụ	757.948.318	818.296.331
<i>Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa và dịch vụ	2.932.252.383	3.716.643.371
▪ Góp vốn	-	66.136.000.000
<b>Các công ty liên quan</b>		
<i>Các công ty xăng dầu thuộc Petrolimex</i>		
▪ Bán hàng hóa	637.166.245.515	610.635.197.133
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	34.238.387.364	27.863.869.869
<i>Công ty TNHH Castrol BP PETCO</i>		
▪ Mua hàng hóa và dịch vụ	28.427.292.624	63.229.365.098
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
▪ Tiền lương và thưởng	2.019.554.500	2.437.857.000

**Tổng công ty Hóa dầu Petrolimex - CTCP**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
**cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**36. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Ngày 20 tháng 7 năm 2016, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành Quyết định về việc tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex từ 250 tỷ VND lên 330 tỷ VND và tăng vốn điều lệ tại Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex từ 150 tỷ VND lên 180 tỷ VND.

Ngày 19 tháng 8 năm 2016

Người lập:




Nguyễn Quang Hưng  
Kế toán viên

Người duyệt:



Phương Thảo Hiền  
Trưởng phòng Tài chính Kế toán



Nguyễn Văn Đức  
Tổng Giám đốc